TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 27/2018/DS-ST Ngày 27-11-2018 V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Phương Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 697/2018/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 179/2018/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K; địa chỉ trụ sở: Số 40-42-44 đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Hà; địa chỉ: Đường T, phường T, quận L, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 710/UQ-KLHP ngày 16/6/2018); có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Trần Thị Kim D; nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O); nơi cư trú: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 3 năm 2018, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần K trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012 với chị Trần Thị Kim D vay với số tiền 240.000.000 đồng; mục đích vay: Bù đắp tiền xây sửa nhà, thời hạn vay: 36 tháng, ngày đến hạn: 11/06/2015, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 10.08%/năm. Lãi suất ngay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị.

Ngày 02 tháng 08 năm 2012, Ngân hàng và chị Trần Thị Kim D ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012 vay với số tiền là 200.000.000 đồng; mục đích vay: Bù đắp tiền xây sửa nhà, thời hạn vay: 30 tháng, ngày đến hạn: 02/02/2015, lãi suất cho vay được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 10.08%/năm. Lãi suất ngay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị Trần Thị Kim D theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Quá trình thực hiện Hợp đồng cho đến nay, chị Trần Thị Kim D mới trả cho Ngân hàng số tiền 183.613.734 đồng, trong đó: Tiền gốc và 115.613.734 đồng; tiền lãi: 68.000.000 đồng. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc nhắc nợ nhưng chị Trần Thị Kim D vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Do vậy, Ngân hàng có đơn khởi kiện đến Tòa án. Tại đơn khởi kiện Ngân hàng tạm tính đến ngày 28/02/2018 chị D còn nợ Ngân hàng cụ thể: 746.975.356 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 160.735.540 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 36.280.954 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 117.303.333 đồng; nợ lãi phạt chậm trả: 10.818.446 đồng. Chị D tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 01/3/2018 cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp chị D không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thâm quyền phát mại tài sản thế chấp là diện tích đất cùng toàn bộ vật kiến trúc tại địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cấp cho bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O). Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện tiền phạt chậm trả

lãi phát sinh của Hợp đồng HD2410/HĐTD là 10.818.446 đồng; Hợp đồng HD2319/HĐTD là 36.280.954 đồng.

* Tại bản tự khai bị đơn chị Trần Thị Kim D trình bày:

Chị Trần Thị Kim D xác nhận có ký 02 Hợp đồng tín dụng: Cụ thể: Ngày 05/06/2012 chị và Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012 để vay với số tiền 240.000.000 đồng; ngày 02/08/2012, chị D và Ngân hàng ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012 vay với số tiền 200.000.000 đồng; mục đích vay: Bù đắp tiền xây sửa nhà; lãi suất được điều chỉnh 06 tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 10.08%/năm. Lãi suất ngay sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị.

Để đảm bảo cho 02 khoản vay, bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) đã thế chấp toàn bộ diện tích đất tại địa chỉ: Số 4/44/152 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị D theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, chị D thanh toán trả Ngân hàng số tiền 183.613.734 đồng, trong đó: Tiền gốc: 68.000.000 đồng; tiền lãi: 115. 613.734 đồng. Chị D xác nhận còn nợ tiền gốc và lãi tính đến ngày 24/10/2018 là 757.193.617 đồng, cụ thể: Hợp đồng HD2319/HĐTD ngày 05/6/2012 là: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; lãi quá hạn: 197.513.200 đồng; Hợp đồng HD2410/HĐTD ngày 02/8/2012 là: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 137.843.333 đồng; về lộ trình mỗi tháng trả chị trả cho Ngân hàng là 5.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 30 hàng tháng, kể từ tháng 11/2018. Đến ngày 28/02/2019, chị D thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi.

* Tại phiên tòa: Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cung cấp bản sao kê dư nợ, đề nghị Tòa án: Buộc chị Trần Thị Kim D phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng của Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng. Chị D tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; trong trường hợp chị D không trả được nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm tại địa chỉ: Đường L phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cấp cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim Oanh); nếu tài sản sau khi

phát mại không đủ để trả nợ, chị D tiếp tục phải có trách nhiệm trả nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O): Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo thẩm định tài sản nhưng bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành được việc lấy lời khai và không tiến hành hòa giải được.

* Về tài sản bảo đảm, thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ ngày 25/9/2018, thì hiện trạng tài sản bảo đảm vẫn do bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim Oanh) quản lý sử dụng, không có gì thay đổi so với thời điểm thế chấp.

* Bị đơn chị Trần Thị Kim D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu: Buộc chị Trần Thị Kim D phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng. Chị D tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng; trong trường hợp chị D không trả được nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm tại địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng cấp cho bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O); nếu tài sản sau khi phát mại không đủ để trả nợ, chị D tiếp tục phải có trách nhiệm trả nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Đối với việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh, là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đình chỉ khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh của Hợp đồng HD2410/HĐTD là 10.818.446 đồng; Hợp đồng HD2319/HĐTD là 36.280.954 đồng tổng là 47.099.400 đồng; về án phí: Chị Trần Thị Kim D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về áp dụng pháp tố tụng dân:

[1] Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng và bị đơn là chị Trần Thị Kim D khởi kiện trong thời hạn luật định.

[2] Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp Hợp đồng tín dụng phát sinh giữa nguyên đơn là Tổ chức có đăng ký kinh doanh và bị đơn là chị Trần Thị Kim D vay với mục đích vay tiêu dùng nên theo quy định của khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng là đúng quy định của pháp luật.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai bị đơn Trần Thị Kim D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

[4] Ngày 05/06/2012 Ngân hàng có ký kết Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012 với chị Trần Thị Kim D vay với số tiền là 240.000.000 đồng. Mục đích vay: Bù đắp tiền xây sửa nhà, thời hạn vay: 36 tháng.

[5] Ngày 02/08/2012, Ngân hàng và chị Trần Thị Kim D ký tiếp Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012 vay với số tiền là 200.000.000 đồng. Mục đích vay: bù đắp tiền xây sửa nhà, thời hạn vay: 30 tháng

+ Xét tính hợp pháp của hợp đồng:

[6] Người tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện; mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái

đạo đức pháp luật; phù hợp với quy định tại Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do vậy, hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 388, Điều 389 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Xét việc thực hiện hợp đồng của các bên:

[7] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị Trần Thị Kim D đã nhận đủ số tiền, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết tại Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012; Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012. Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng. Tạm tính đến ngày 27/11/2018, chị Trần Thị Kim D còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng, cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng.

[8] Bị đơn vắng mặt đã được công bố các lời khai của bị đơn xác nhận khoản vay trên là đúng, và có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, tuy nhiên do hoàn cảnh khó khăn nên chị đề nghị Ngân hàng xin miễn lãi. Do nguyên đơn không chấp nhận cho bị đơn trả nợ theo lộ trình như đã hòa giải ngày 24/10/2018, phía bị đơn không đưa ra được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh cho quan điểm của mình nên không được chấp nhận. Như vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc chị Trần Thị Kim D phải trả nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 27/11/2018, chị Trần Thị Kim D còn nợ Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng, cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng là có căn cứ và đúng quy định pháp theo quy định tại các Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

+ Về yêu cầu trả nợ lãi:

[9] Xét sự thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi, phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Như vậy, bảng tính lãi của Ngân hàng có căn cứ được chấp nhận. Đối chiếu bản tính lãi với tập sao kê tạm tính đến ngày 27/11/2018 bị đơn còn nợ Ngân hàng cụ thể theo Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012 nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012 nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn:

139.836.667 đồng. Xét cần chấp nhận yêu cầu trả nợ lãi của nguyên đơn theo quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

[10] Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ quan điểm rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh của Hợp đồng HD2410/HĐTD là 10.818.446 đồng; Hợp đồng HD2319/HĐTD là 36.280.954 đồng tổng là 47.099.400 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Đối với yêu cầu phát mại tài sản của Ngân hàng trong trường hợp chị Trần Thị Kim D không trả được các khoản nợ, Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng và chị Trần Thị Kim D cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) được chứng thực hợp lệ và được đăng ký giao dịch bảo đảm. Hợp đồng thế chấp được đăng ký kết trên cơ sở tự nguyện và tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, nên có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Từ những phân tích đánh giá như trên, nên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bị đơn chị Trần Thị Kim D phải trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng (bảy trăm sáu mươi năm triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm lăm mươi) đồng, cụ thể: Theo Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng và Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng

- Về án phí:

[13] Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.674.000 đồng (mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng (theo biên lai số 0024766 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng). Bị đơn chị Trần Thị Kim D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.626.330 (ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi) đồng.

- Về quyền kháng cáo:

[14] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 388; Điều 389; Điều 471; Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Căn cứ vào Điều 90; Điều 91; Điều 94; Điều 95; Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K: Buộc bị đơn chị Trần Thị Kim D phải trả nợ gốc, lãi tính đến ngày 27/11/2018 là: 765.658.250 đồng (bảy trăm sáu mươi năm triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, hai trăm lăm mươi) đồng, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 2319/HĐTD ngày 05/06/2012: Nợ gốc: 212.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 36.495.973 đồng; nợ lãi quá hạn: 201.082.340 đồng. Hợp đồng tín dụng số 2410/HĐTD ngày 02/08/2012: Nợ gốc: 160.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 13.341.110 đồng; lãi quá hạn: 139.836.667 đồng.

Chị Trần Thị Kim D tiếp tục thanh toán tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ ngày 28/11/2018 cho đến khi thanh toán khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về khoản tiền phạt chậm trả lãi phát sinh của Hợp đồng HD2410/HĐTD là 10.818.446 đồng; Hợp đồng HD2319/HĐTD là 36.280.954 đồng: Tổng là 47.099.400 đồng.

3. Trường hợp chị Trần Thị Kim D không trả cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là toàn bộ diện tích đất 73,5 m2 đất cùng toàn bộ vật kiến trúc trên thửa đất số 219, tờ bản đồ số MC-44 tại địa chỉ: Đường L, phường M, quận N, thành phố Hải Phòng được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 226237 vào sổ cấp giấy chứng nhận số HO9436/QSDĐ/NQ do Ủy ban nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng cấp ngày 06 tháng 12 năm 2009 cho chủ sở hữu là bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O).

4. Nếu tài sản sau khi phát mại không đủ để trả nợ, chị Trần Thị Kim D tiếp tục phải có trách nhiệm trả nợ số tiền còn thiếu cho Ngân hàng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi

suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 34.626.330 đồng (ba mươi bốn triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, ba trăm ba mươi) đồng.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.674.000 đồng (mười tám triệu, sáu trăm bảy mươi bốn nghìn) đồng (theo biên lai số 0024766 ngày 26 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng).

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Ngân hàng được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Trần Thị Kim D, bà Phạm Thị O (Phạm Thị Kim O) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bích Phượng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bích Phượng